

**TOÀ AN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HS-ST
Ngày: 17-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phong

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Tuấn Cường

Ông Hạng A Nénh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2025/TLST-HS ngày 18/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Lò Văn M; Sinh ngày 05/3/1999; Tại huyện MA, tỉnh ĐB; Nơi đăng ký thường trú: Bản HN, xã ẮC, huyện MA, tỉnh ĐB; Nơi sinh sống: Bản HN, xã ẮC, huyện MA, tỉnh ĐB; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Á và bà Lò Thị T1; Bị cáo có vợ là Lò Thị N và có 01 người con sinh năm 2021; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2024 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Cảnh Phương – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị hại: Chị Lường Thị T, sinh năm 1999, nơi cư trú: Bản HN, xã ẮC, huyện MA, tỉnh ĐB, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/12/2024 **Lò Văn M** lên khu đồi phía sau nhà chị Lương Thị T, sinh năm 1999, trú cùng Bản HN, xã ẤC, huyện MA lấy củi thì thấy nhà gia đình chị T không có người ở nhà nên M đã nảy sinh ý định lén lút đột nhập để chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. M đi đến ô thoáng phía sau nhà rồi trèo chui qua lỗ ô thoáng vào bên trong. Sau khi vào nhà M đẩy cửa phòng ngủ của chị T rồi đi đến chỗ ngăn tủ trong cùng của tủ quần áo dùng chiếc kéo bằng kim loại mũi nhọn mang theo vặn mở khóa cánh cửa tủ tìm kiếm tài sản. M tìm kiếm tại ngăn thứ 2 từ dưới lên thấy có 02 túi giấy màu đỏ, bên trong túi thứ nhất có 01 vòng đeo tay bằng vàng, trong túi thứ hai bên trong có 02 hộp nhựa tròn được bọc bằng vải màu đỏ, bên trong mỗi hộp chứa 01 vòng đeo cổ (dạng kiềng) bằng vàng nên đã lấy toàn bộ số tài sản trên cho vào túi áo khoác bên phải đang mặc. Sau khi lấy được tài sản M dùng kéo khóa cánh cửa tủ lại rồi ra ngoài bằng lối cũ. Về đến nhà M bỏ số vàng vừa chiếm đoạt được ra kiểm tra thì phát hiện 02 vòng cổ và vòng tay đã bị móp méo, biến dạng và gãy thành nhiều đoạn. M tiếp tục cất giấu toàn bộ số vàng đã trộm được trong túi áo khoác rồi treo lên dây leo cạnh giường ngủ. Khoảng 09 giờ ngày 14/12/2024 chị Lương Thị T phát hiện toàn bộ số vàng của gia đình đã bị kẻ gian chiếm đoạt nên làm đơn trình báo lên cơ quan Công an đề nghị giải quyết. Hồi 15 giờ cùng ngày 14/12/2024 nhận thức được hành vi vi phạm và lo sợ hành vi của mình đã bị phát hiện **Lò Văn M** đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng đầu thú và khai báo rõ toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm: 02 vòng cổ và 01 vòng tay bằng vàng bị gãy thành nhiều đoạn; 02 túi giấy màu đỏ; 02 hộp nhựa tròn được bọc bằng vải màu đỏ; 01 chiếc kéo cắt, loại hai lưỡi màu đen có tổng chiều dài 19,5cm, phần lưỡi kéo dài 10,5cm, rộng 2cm, cán kéo bằng kim loại được bọc bằng nhựa màu đen tổng chiều rộng 10cm; 01 chiếc áo khoác gió, dạng áo đồng phục học sinh màu xanh trắng đã qua sử dụng.

Kết luận giám định số 9856 ngày 16/12/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: 02 vòng cổ (dạng kiềng) và 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng là vàng (Au), hàm lượng Au trung bình 99,71% đến 99,87%.

Kết luận định giá tài sản số 25 ngày 19/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mường Ảng đã kết luận: Tổng giá trị 02 vòng cổ và 01 vòng tay bằng vàng là 42.150.000 đồng.

Ngày 06/02/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng đã ra quyết định xử lý vật chứng số 64/QĐ-ĐTTH bằng hình thức trả lại cho chị Lương Thị T 02 vòng cổ và 01 vòng tay bằng vàng bị gãy thành nhiều đoạn; 02 túi giấy màu đỏ; 02 hộp nhựa tròn được bọc bằng vải màu đỏ.

Ngày 06/02/2025 gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại do vòng vàng bị gãy 1.500.000 đồng cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS-MA ngày 17/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố **Lò Văn M** để xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo **Lò Văn M** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo; Về vật chứng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu tiêu huỷ đối với 01 chiếc kéo cắt và 01 chiếc áo khoác gió; Về án phí, căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi lời bào chữa cho bị cáo. Trong nội dung bào chữa, Người bào chữa nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng, tình tiết giảm nhẹ, về án phí đề nghị miễn án phí cho bị cáo. Về hình phạt, đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại chị Lương Thị T vắng mặt, lời khai trong hồ sơ chỉ trình bày như sau: Ngày 21/9/2024 chị bị mất trộm 02 vòng cổ và 01 vòng tay bằng vàng trị giá 42.150.000 đồng, sau đó cơ quan điều tra đã điều tra ra người trộm tiền của chị là **Lò Văn M**, hiện nay số vàng này chị đã được cơ quan điều tra trả lại, đồng thời được gia đình bị cáo bồi thường 1.500.000 đồng do làm gãy vòng tay, về trách nhiệm dân sự chị không có ý kiến gì, về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát, lời sau cùng bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của bị hại và người bào chữa. Tại phiên tòa Người bào chữa vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã gửi trước lời bào chữa, bị cáo nhất trí xét xử vắng mặt người bào chữa, bị hại vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai và ý kiến trong hồ sơ, xét thấy sự vắng mặt của

bị hại và Người bào chữa không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo Điều 291, 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa bị cáo khai, ngày 12/12/2024, tại nhà của chị Lương Thị T thuộc Bản HN, xã ẤC, huyện MA, tỉnh DB, bị cáo đã lấy trộm 02 chiếc vòng cổ và 01 vòng tay bằng vàng trị giá 42.150.000 đồng của chị Lương Thị T. Mục đích bị cáo trộm cắp tài sản là để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết luận điều tra, phù hợp với cáo trạng truy tố và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác trị giá 42.150.000 đồng của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến quần chúng nhân dân. Vì vậy cần xử lý bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo đã tích cực vận động gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về hình phạt:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ, Người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, hậu quả đã được khắc phục toàn bộ nên đề nghị của Đại diện viện kiểm sát và người bào chữa về việc xử phạt bị cáo với hình phạt cải tạo không giam giữ là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận, xử phạt bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa.

Theo khoản 3 Điều 36 BLHS người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo không có tài sản gì có giá trị, không có thu nhập ổn định. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 173 BLHS đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Lường Thị T đã nhận lại các tài sản bị mất và được gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại, về trách nhiệm dân sự, chị không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 vòng cổ và 01 vòng tay bằng vàng bị gãy thành nhiều đoạn; 02 túi giấy màu đỏ; 02 hộp nhựa tròn được bọc bằng vải màu đỏ, ngày 06/02/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng đã ra quyết định xử lý vật chứng số 64/QĐ-ĐTTH bằng hình thức trả lại cho chị Lường Thị T là đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Đối với 01 chiếc kéo cắt, loại hai lưỡi màu đen có tổng chiều dài 19,5cm, phần lưỡi kéo dài 10,5cm, rộng 2cm, cán kéo bằng kim loại được bọc bằng nhựa màu đen tổng chiều rộng 10cm; 01 chiếc áo khoác gió, dạng áo đồng phục học sinh màu xanh trắng đã qua sử dụng. Xét thấy đây là những vật chứng bị cáo dùng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội, đã hết giá trị nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Căn cứ vào điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo, bị hại quyền kháng cáo bản án.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lò Văn M** phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lò Văn M** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 94 ngày tạm giam (từ ngày 14/12/2024 đến ngày 17/3/2025), quy đổi thành 09 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 08 (tám) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Lò Văn M** cho Ủy ban nhân dân xã Ảng Cang, huyện MA, tỉnh DB nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo **Lò Văn M**.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ còn phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo **Lò Văn M** bị xử phạt bằng hình phạt không phải là hình phạt tù nếu bị cáo không phạm tội khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình Sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kéo cắt, loại hai lưỡi màu đen có tổng chiều dài 19,5cm, phần lưỡi kéo dài 10,5cm, rộng 2cm, cán kéo bằng kim loại được bọc bằng nhựa màu đen tổng chiều rộng 10cm; 01 chiếc áo khoác gió, dạng áo đồng phục học sinh màu xanh trắng đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/02/2025 giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTWQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình Sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/3/2025); Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA Tòa án tỉnh Điện Biên;
- VKSND H. Mường Ảng;
- VKSND T. Điện Biên;
- CQĐT CA T Điện Biên;
- CQTHAHS CA T Điện Biên;
- Bộ phận HSNV CA T Điện Biên;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp;
- UBND xã Ảng Cang;
- Lưu HS, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Hoàng Văn Phong